

Bản án số: 22/2026/DSST

Ngày: 13/02/2026

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Bích Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Tuyết

2. Ông Lâm Văn Vô

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Văn Dân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/02/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 964/2025/TLST-DSST ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 473/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QĐST-DS ngày 21/01/2026, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Sài Gòn SC; địa chỉ: NKKN, phường XH, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1996; địa chỉ: NKKN, phường XH, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

*Bị đơn:* Ông Lưu Thiên P, sinh năm: 1991; địa chỉ: NT, phường CL, Thành phố Hồ Chí Minh.(vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2024, bản tự khai, các biên bản tiếp theo tại Tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn SC (gọi tắt là Ngân hàng) ủy quyền cho ông Nguyễn Huy H đại diện trình bày:

Ngày 08/12/2017, ông P có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn SC (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là

28.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 394.173.208 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 370.209.812 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông P vi phạm nghĩa thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/11/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Lưu Thiên P trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/02/2026 là 77.581.501 đồng. Trong đó nợ gốc là 30.289.724 đồng, nợ lãi quá hạn là 47.291.777 đồng. Ông Lưu Thiên P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 14/02/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã có thông báo thụ lý vụ án số: 964/TB-TLVA ngày 08/10/2025 và đã niêm yết Thông báo thụ lý và Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải kể cả Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để ông Lưu Thiên P là bị đơn trong vụ án đến Tòa án làm việc, tham gia tố tụng, nhưng ông P không đến Tòa án để trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay, ông P vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng, là thuộc trường hợp cố tình vắng mặt, gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tuy nhiên còn vi phạm thời hạn giao thông báo thụ lý vụ án, cần rút kinh nghiệm. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của BLTTDS năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn chịu tiền án phí, hoàn lại án phí cho nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn SC khởi kiện tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với bị đơn ông Lưu Thiên P, ông P có địa chỉ tại NT, phường CL, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng Dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5 (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3), Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/02/2026 là 77.581.501 đồng. Trong đó nợ gốc là 30.289.724 đồng, nợ lãi quá hạn là 47.291.777 đồng. Ngoài ra bị đơn còn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 14/02/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Căn cứ các tài liệu do nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08/12/2017, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn SC, có đủ cơ sở xác định ông Lưu Thiên P đã đề nghị và được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng số 356480-5855 với hạn mức sử dụng là 28.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng mà Ngân hàng TMCP Sài Gòn SC và ông Lưu Thiên P đã ký kết là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật về nội dung lẫn hình thức, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch trên thẻ tín dụng số 356480-5855 với tổng số tiền là: 394.173.208 đồng, đã thanh toán được 370.209.812 đồng. Sau khi trừ tiền lãi trong hạn: 51.186.374 đồng; phí trễ hạn: 567.731 đồng; phí vượt hạn mức: 50.000 đồng; phí khác (phí thường niên, phí rút tiền mặt,...): 1.814.000 đồng thì bị đơn còn nợ của Ngân hàng số tiền 30.289.724 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/11/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Như vậy, bị đơn đã không thanh toán các khoản nợ sau khi hết thời hạn vay cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ bản tóm tắt sao kê, bảng tính lãi quá hạn của khách hàng Lưu Thiên P, tính đến ngày 13/02/2026, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số nợ của thẻ tín dụng là 77.581.501 đồng. Trong đó nợ gốc là 30.289.724 đồng, nợ lãi quá hạn là 47.291.777 đồng là có cơ sở pháp lý, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về lãi suất cho vay, căn cứ vào Điều 22 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn SC có quy định: “Đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo Quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ”.

Căn cứ Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của ngân hàng TMCP Sài Gòn SC về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ quốc tế SC thì mức lãi suất mới áp dụng từ ngày 05/7/2011 là 2,15%/tháng.

Căn cứ Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn SC về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ SC phát hành tại Việt Nam áp dụng từ ngày 15/8/2019 thì lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng nội địa dành cho cá nhân là 2,6%/tháng.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật” và Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) quy định: “1. Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 2. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng nhưng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng”. Do đó, mức lãi suất nguyên đơn áp dụng để tính lãi cho bị đơn là không trái với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]- Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do vậy bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là đồng. Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng Dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lưu Thiên P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn SC số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 13/02/2026 là 77.581.501đ (bảy mươi bảy triệu năm trăm tám mươi một ngàn năm trăm lẻ một đồng). Trong đó

nợ gốc là 30.289.724đ (ba mươi triệu hai trăm tám mươi chín ngàn bảy trăm hai mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn là 47.291.777đ (bốn mươi bảy triệu hai trăm chín mươi một ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 14/02/2026, ông Lưu Thiên P phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn SC, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 08/12/2017 cho đến khi ông P thanh toán hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Lưu Thiên P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.879.075đ (ba triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn không trăm bảy mươi lăm đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn SC số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.166.764 đồng (một triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm sáu mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036011 ngày 04/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5 (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV3 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bích Thảo**



